

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG HỌC SINH SINH VIÊN CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THỊ XÃ PHƯỚC LONG

Nguyễn Quyết Thắng^{1,*}, Nguyễn Thị Hương Giang², Lê Thị Ngọc Loan³

Trường Đại học Công nghệ TP.HCM

Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước

Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Phước

**Email: thangnq1410@gmail.com*

Ngày nhận bài: 05/04/2017; Ngày chấp nhận đăng: 20/04/2017

TÓM TẮT

Chương trình tín dụng học sinh sinh viên (HSSV) có hoàn cảnh khó khăn tại Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) là chương trình tín dụng lớn thực hiện mục tiêu quốc gia về an sinh xã hội; góp phần tạo cho đất nước nguồn lao động chất lượng cao. Tuy nhiên để duy trì tốc độ tăng trưởng dư nợ với chất lượng tín dụng tốt là thách thức đối với NHCSXH trong thời gian tới.

Nghiên cứu này đã sử dụng phương pháp thống kê và phương pháp toán kinh tế bằng việc ước lượng mô hình LOGIT nhằm tìm ra bảy (07) yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng HSSV có hoàn cảnh khó khăn từ đó đề ra kiến nghị các biện pháp nâng cao chất lượng tín dụng HSSV tại NHCSXH thị xã Phước Long, giúp cho địa phương thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, phát triển kinh tế.

Từ khóa: Yếu tố ảnh hưởng chất lượng, tín dụng học sinh sinh viên, mô hình logit, NHCSXH thị xã Phước Long, thực trạng và biện pháp.

1. GIỚI THIỆU

Chương trình tín dụng HSSV có hoàn cảnh khó khăn tại NHCSXH được xác định là chương trình tín dụng thành công, mang đậm tính nhân văn, giải quyết cơ bản các khó khăn về tài chính cho gia đình, nhà trường và xã hội trong phát triển giáo dục, bồi dưỡng nhân tài. Với những thành công bước đầu, việc duy trì tốc độ phát triển dư nợ, nâng cao chất lượng tín dụng nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao phó đối với NHCSXH hiện nay là hết sức khó khăn.

Thị xã Phước Long (huyện Phước Long cũ), có số lượng dân cư tập trung sinh sống đông đúc và lâu đời nhất của tỉnh Bình Phước với diện tích: 1.854,9687 km², dân số: 185.248 (năm

2008), chủ yếu là 3 dân tộc Kinh, dân tộc Stiêng và dân tộc Khơme. Học sinh nơi đây có tinh thần hiếu học, hàng năm NHCSXH thị xã phục vụ trên ngàn lượt HSSV có vốn để học tập tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, nghề trên cả nước. Tình hình trên đã đặt cho NHCSXH thị xã Phước Long một nhiệm vụ nặng nề là phục vụ một số lượng lớn khách hàng thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác; trong đó đối tượng là HSSV có hoàn cảnh khó khăn chiếm một tỷ trọng không nhỏ trong tổng dư nợ. Thị xã Phước Long của tỉnh Bình Phước thuộc khu vực miền Đông Nam Bộ, cũng là địa bàn lớn của dân nhập cư từ các tỉnh miền Bắc và miền Trung. Nên kết quả khảo sát, nghiên cứu trên đối tượng khách hàng vay vốn tại địa phương này có thể được coi là tư liệu tham khảo cho các NHCSXH ở miền đông nam bộ nói riêng và trên cả nước nói chung.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về các yếu tố liên quan đến chất lượng tín dụng nói chung của NHCSXH như: Đề tài “Nâng cao chất lượng tín dụng chính sách của ngân hàng CSXH Việt Nam” của Võ Nhị Yến Trang (2008); nghiên cứu “Một số mô hình thành công của ngân hàng tài chính vi mô quốc tế - bài học kinh nghiệm cho Việt Nam” của Hoàng Văn Thành, Nguyễn Văn Chiến (2013); nghiên cứu “Chính sách hỗ trợ sinh viên – Những vấn đề đặt ra hiện nay” của tác giả Phùng Văn Hiền (2013)... nhưng chưa có một nghiên cứu nào đi sâu khảo sát cảm nhận của khách hàng vay vốn HSSV để đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng HSSV cho địa bàn thị xã Phước Long nói riêng. Chính vì vậy, trong nghiên cứu này, chúng tôi cố gắng đi sâu khảo sát, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng HSSV nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng HSSV tại NHCSXH thị xã Phước Long.

2. CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Về dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng nguồn số liệu thứ cấp chủ yếu được lấy từ báo cáo tổng kết của NHCSXH thị xã Phước Long. Số liệu sơ cấp được lấy từ cuộc điều tra năm 2015 và 2016 trên các khách hàng hiện đang vay vốn HSSV tại NHCSXH thị xã Phước Long. Số phiếu được tính theo công thức:

$$n = \frac{Ns^2 \times Z^2}{N \times \Delta^2 x + s^2 \times Z^2}$$

Trong đó:

N: Số lượng người được vay trong năm 2015 và 2016; độ tin cậy = 95%;

Δx trong phạm vi sai số cho phép = 5%; s: là độ lệch chuẩn.

Số lượng phiếu phát ra điều tra thực tế là 142 phiếu, sau khi loại đi các phiếu hỏng còn lại là 108 phiếu.

2.2. Về phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu trong bài viết là phương pháp thống kê, so sánh, phân tích dựa trên các số liệu lịch sử kết hợp với phương pháp toán kinh tế. Mô hình định lượng được sử dụng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng HSSV có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thị xã Phước Long là mô hình xác suất phi tuyến Logit.

Để phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố với xác suất xảy ra biến cố là loại quan hệ hai tính chất tùy thuộc vào đặc tính của vấn đề, các nghiên cứu của Gujarati, D. N., (1988); Wooldridge, J. N., (2005) đã chỉ ra ưu điểm của việc phân tích mô hình Logit trong trường hợp này. Võ Thị Thúy Anh (2011) đã chỉ ra để đánh giá tác động của chương trình tín dụng ưu đãi hộ nghèo của NHCSXH thì nếu sử dụng mô hình tuyến tính cổ điển, ước lượng sẽ không hiệu

quả do giả thuyết về phương sai đồng nhất của sai số bị vi phạm. Các mô hình có thể sử dụng trong trường hợp này có thể là mô hình Logit, mô hình đơn vị xác suất Probit. Để phản ánh quan hệ giữa các yếu tố với chất lượng tín dụng được điều tra đối với khách hàng vay vốn tại địa bàn thị xã Phước Long, chúng tôi đã sử dụng mô hình Logit để phân tích. Sau khi thảo luận với các chuyên gia, việc tiến hành điều tra được thực hiện qua 02 bước: (1) Bước 1: Điều tra hơn 40 mẫu nhằm tìm kiếm các yếu tố ảnh hưởng; (2) Bước 2: Điều tra 108 mẫu để sử dụng ước lượng mô hình. Mô hình Logit được sử lý trên phần mềm LIMDEP V8.0.

Mô hình hàm xác suất phi tuyến Logit có dạng hàm như sau:

$$Y_i = P_i = \frac{1}{1 + e^{-z_i}} \text{ Trong đó: } Z_i = \beta + \sum \beta_i X_i$$

Trong công thức trên các thành phần gồm:

- X_i ($i=1 \div n$) là nhân tố i ảnh hưởng đến xác suất xảy ra việc quyết định việc vay vốn HSSV tại NHCSXH thị xã Phước Long.

- β và β_i ($i=1 \div n$) là hệ số tự do và các hệ số của các nhân tố X_i . Y thể hiện quyết định của khách hàng vay vốn HSSV, nếu $Y = 1$ thì chất lượng tín dụng tốt; nếu $Y = 0$ thì chất lượng tín dụng không tốt.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng hoạt động tín dụng học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tại Ngân hàng Chính sách xã hội Thị xã Phước Long

Hoạt động tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn NHCSXH thị xã Phước Long từ năm 2012 đến 2016 thể hiện theo Bảng 1.1 dưới đây:

Bảng 1.1: Tình hình cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn giai đoạn 2012– 2016.

ĐVT: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Tốc độ phát triển bình quân (%)
1. Dư nợ cuối năm	57.214	56.702	56.432	57.752	56.732	99,7
2. Nợ quá hạn	857	982	1.041	510	319	78
- Tỷ lệ nợ quá hạn (%)	0,01	0,02	0,02	0,01	0,01	100
- Nợ khoanh	0	0	0	14	14	-
3. Số hộ vay	3.183	3.155	3.192	2.970	2.701	96
- Dư nợ bình quân/01 hộ vay	17,97	17,97	17,68	19,45	21,00	104

(Nguồn: Báo cáo hoạt động của NHCSXH thị xã Phước Long, 2016 & 2017)

Bảng trên cho thấy, dư nợ cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn giai đoạn 2012-2016 tăng trưởng khá ổn định, số dư biến động giữa các năm không đáng kể. Số hộ vay có xu hướng giảm trong năm 2015, 2016 làm cho dư nợ bình quân trên hộ năm 2015, 2016 tăng so với các năm trước. Nợ quá hạn tăng liên tục trong năm 2013, 2014 và giảm mạnh trong năm 2015, 2016. Nguyên nhân là do đơn vị đã thực hiện có hiệu quả đề án củng cố nâng cao chất lượng tín dụng,

trong đó xây dựng phương án củng cố nâng cao chất lượng tín dụng đến các xã có nợ quá hạn cao hoặc có nguy cơ phát sinh tăng nợ quá hạn; đồng thời xử lý rủi ro theo quy định với các món vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan.

Có thể nói, hoạt động cho vay HSSV theo quyết định 157/QĐ_TTg của Thủ tướng chính phủ đi vào cuộc sống từ năm 2007 đến những năm 2012, 2013, 2014 đã bộc lộ những bất cập trong công tác xử lý nợ đến hạn, nợ quá hạn. Dư nợ cho vay giảm qua từng năm trong khi nợ quá hạn tăng nhanh (nợ quá hạn năm 2014 tăng 6% so với năm 2013 và tăng 21% so với năm 2012). Trước tình hình đó, NHCSXH thị xã đã xây dựng đề án củng cố nâng cao chất lượng tín dụng, đồng thời triển khai các phương án củng cố nâng cao chất lượng tín dụng đối với các xã, phường có nợ quá hạn cao, chất lượng tín dụng không tốt, kết hợp với các biện pháp nghiệp vụ (như tăng cường đôn đốc thu hồi nợ đến hạn kỳ con, xử lý rủi ro...). Giải pháp này đã thu hồi cơ bản các món nợ tồn đọng lâu ngày không hoạt động. Nhưng để giải quyết triệt để vấn đề nâng cao chất lượng tín dụng HSSV có hoàn cảnh khó khăn, NHCSXH thị xã Phước Long cần xem xét lại các vấn đề về kỹ thuật tín dụng, công tác quản lý nguồn vốn, đánh giá lại tất cả các mặt còn tồn tại ... để có giải pháp cụ thể.

NHCSXH thị xã Phước Long chủ yếu cho vay ủy thác bán phần thông qua các tổ chức chính trị xã hội. Chính lực lượng đông đảo các chi, tổ, hội viên của các cấp hội đã giúp NHCSXH truyền tải vốn tín dụng HSSV đến đúng đối tượng một cách công khai, minh bạch và kịp thời nhất. NHCSXH thị xã đặt các điểm giao dịch tới tận trụ sở UBND cấp xã. Tại mỗi điểm giao dịch, ngân hàng đều gắn biển hiệu niêm yết ngày, giờ giao dịch cố định; bảng nội quy giao dịch; bảng thông báo lãi suất...giúp cho hộ vay dễ dàng hơn trong việc vay vốn, trả nợ gốc, nợ lãi cho ngân hàng.

Việc giải ngân được thực hiện vào đầu năm học hoặc đầu các kỳ học, việc trả nợ được phân kỳ 06 tháng một lần sau khi HSSV ra trường, số tiền trả mỗi lần do hộ vay và ngân hàng thỏa thuận.

Bảng 1.2: Tình hình công tác quản lý vốn vay HSSV giai đoạn 2012– 2016.

DVT: ngàn đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Tốc độ phát triển bình quân (%)
Lượt hộ vay	Lượt	1.497	1.366	1.237	1.143	1.084	92
Lượt trả nợ	Lượt	1.486	1.739	2.012	3.632	3.101	120
Số hộ quá hạn	Hộ	115	127	131	59	40	77

(Nguồn: Báo cáo hoạt động của NHCSXH thị xã Phước Long, 2016 & 2017).

Bảng 1.2 cho thấy số lượt hộ vay vốn có xu hướng giảm, số lượt hộ trả nợ có xu hướng tăng. Từ năm 2015, đơn vị đã tập trung đôn đốc trả nợ kỳ con nên cải thiện phần nào tình hình thu hồi vốn, số hộ để nợ quá hạn giảm rõ rệt.

Bên cạnh những mặt đạt được, các hạn chế trong công tác phối hợp giữa NHCSXH và hội nhận ủy thác, tổ tiết kiệm vay vốn; hoạt động của điểm giao dịch xã; công tác thu hồi vốn từ hộ vay v.v... đã phần nào làm giảm chất lượng của chương trình tín dụng HSSV tại NHCSXH thị xã Phước Long.

3.2. Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng HSSV có hoàn cảnh khó khăn tại NHCXXH Thị xã Phước Long

Để tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng HSSV, chúng tôi đã điều tra chọn biến, tác giả tiến hành với hơn 40 mẫu nhằm tìm kiếm các yếu tố ảnh hưởng. Kết quả chúng tôi lấy 08 yếu tố đầu tiên (08 biến) có mức được chọn trên 40% số người được hỏi.

Bảng 1.3: Danh sách các biến được sử dụng trong mô hình Logit.

STT	Biến	Mô tả
1	Y = CL	= 1 khách hàng đánh giá cao về chất lượng tín dụng = 0 Nếu khách hàng đánh giá không cao về chất lượng tín dụng
2	X1 = YT	Ý thức hộ vay (cấp độ)
3	X2 = KNTC	Khả năng tài chính (cấp độ)
4	X3 = KNVL	Khả năng có việc làm của HSSV (cấp độ)
5	X4 = HĐT,TK&VV	Phối hợp của hội đoàn thể, tổ TK&VV (cấp độ)
6	X5 = TTVV	Quy trình, thủ tục vay vốn (cấp độ)
7	X6 = CSTD	Chính sách tín dụng (cấp độ)
8	X7 = PCNL	Phẩm chất, năng lực của nhân viên (cấp độ)
9	X8 = TNBQ	Thu nhập bình quân tháng của 01 người (Tr.đồng)

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra của nghiên cứu, 2015)

Mô hình trên được xử lý trên phần mềm Limdep V8.0. Tuy nhiên trước khi chạy mô hình trên, tác giả đã kiểm tra tính độc lập của các biến bằng lệnh "correlation" trong phần mềm Excel nhằm tránh có quá nhiều biến số phụ thuộc lẫn nhau có thể làm sai lệch kết quả của mô hình.

Kết quả sự phân tích đa phương (multinomial logit) được tóm tắt ở Bảng 1.4. Hệ số ảnh hưởng (effect coefficient) đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đối với chất lượng tín dụng HSSV có hoàn cảnh khó khăn của NHCSXH thị xã Phước Long. Kiểm định thống kê Chi-Square ước lượng cho mô hình là 115,1828 với 8 bậc tự do. Giả định rằng ý nghĩa của hệ số không chặn (non-intercept coefficients) bằng không (= 0). Kiểm định χ^2 tra bảng (8 bậc tự do, mức ý nghĩa 0,01) là 18,4753 nhỏ hơn LR (Likelihood ratio) tính toán trên. Điều này có nghĩa là mô hình hàm Logit có ý nghĩa cao trong việc đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng HSSV. Khả năng dự đoán đúng của mô hình là rất thuyết phục, tỷ lệ dự đoán đúng về số đánh giá cao về chất lượng tín dụng đạt 97,2%.

Kết quả việc điều tra yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng HSSV có hoàn cảnh khó khăn của NHCSXH thị xã Phước Long đã cho thấy hệ số ảnh hưởng của hằng số (constant) khá lớn (-26,0830) và theo chiều (-) chỉ ra rằng: ảnh hưởng của các yếu tố khác (ngoài các nhân tố được đưa vào xem xét trong mô hình) rất lớn và có tác động ngược, làm hạn chế đến chất lượng tín dụng HSSV có hoàn cảnh khó khăn của NHCSXH thị xã Phước Long. Điều này có thể được giải thích một cách hợp lý trong thực tiễn bởi chất lượng tín dụng HSSV còn bị ảnh hưởng bởi những yếu tố khác, có những yếu tố chúng ta không nắm hết mà trong đó có nhiều

yếu tố ảnh hưởng tiêu cực, làm hạn chế đến chất lượng tín dụng HSSV. Thực tế tại địa bàn Phước Long, chỉ cần thông tin không đầy đủ hoặc người dân hiểu lầm về một vài thông tin về tín dụng HSSV cũng đã làm ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động tín dụng này.

Bảng 1.4: Kết quả ước lượng các hệ số ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng HSSV của hàm Logit.

STT	Tên biến (Variable)	Hệ số ảnh hưởng (Coefficient)	Hệ số ảnh hưởng biên (Marginal Effects)
1	Hằng số (Constant)	- 26,0830***	-1,05126
2	X1 (Ý thức hộ vay)	2,47857*	0,09990
3	X2 (Khả năng tài chính)	5,68789**	0,22925
4	X3 (Việc làm của HSSV)	8,28346**	0,33386
5	X4 (Phối hợp của hội và tổ)	1,75042**	0,07055
6	X5 (Quy trình vay)	5,73503*	0,23115
7	X6 (Chính sách TD)	0,88353*	0,03561
8	X7 (Nhân viên Ngân hàng)	2,29393*	0,09246
9	X8 (Thu nhập bình quân)	- 2,4574ns	0,09904
Likelihood ratio test statistic:		115,1828***	
Chi squared:		115,1828	
<i>Tỷ lệ dự đoán đúng:</i>			
<i>Đánh giá cao về chất lượng tín dụng:</i>		0,972	
<i>Không đánh giá cao về chất lượng tín dụng:</i>		0,941	
*), (**), (***) chỉ mức ý nghĩa thống kê (statistical significance) là 1%; 5%; 10% tương ứng. - Số mẫu nghiên cứu là 108.			

(Nguồn: Xử lý từ kết quả điều tra của nghiên cứu, 2015 & 2016)

Trong các biến độc lập được xem xét, biến X8 (TNBQ) (Thu nhập bình quân tháng của 01 người) không có ý nghĩa thống kê. Hệ số ảnh hưởng của các nhân tố khác gồm các biến: X1 (Ý thức hộ vay), X2 (Khả năng tài chính), X3 (Khả năng có việc làm của HSSV), X4 (Phối hợp của hội đoàn thể), X5 (Quy trình, thủ tục vay vốn), X6 (Chính sách tín dụng), X7 (Phẩm chất, năng lực của nhân viên) đều có hệ số ảnh hưởng dương (+) ở mức ý nghĩa tương ứng. Như vậy hệ số ảnh hưởng các biến này càng cao thì sẽ nâng cao đến chất lượng tín dụng HSSV có hoàn cảnh khó khăn của NHCSXH thị xã Phước Long. Trong các nhân tố trên, biến X3 (Khả năng có việc làm của HSSV) có hệ số ảnh hưởng dương (+) khá cao (8,2834) với hệ số "Maginal effect" đo được là 0,333 có nghĩa là: Khả năng có việc làm của HSSV được đánh giá tăng lên 1% thì xác suất của việc trả nợ của hộ và tiến độ thu hồi vốn đúng hạn sẽ tăng thêm 33,3%.

3.3. Kiến nghị một số biện pháp

Dựa vào thực trạng của hoạt động tín dụng và việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng HSSV có hoàn cảnh khó khăn tại NHCXXH Thị xã Phước Long, chúng

tôi đề xuất kiến nghị một số biện pháp sau:

1. Tạo việc làm cho sinh viên: Đây là yếu tố có ảnh hưởng lớn đến chất lượng tín dụng HSSV, tuy nhiên đứng từ phía ngân hàng việc điều chỉnh yếu tố này rất khó, đòi hỏi sự chung tay của toàn xã hội. Ngân hàng NHCSXH thị xã Phước Long cần làm tốt hơn việc quản lý nguồn vốn, có cập nhật theo dõi kết quả học tập của HSSV để có động viên, khuyến khích kịp thời. Kết quả học tập tốt sẽ tạo điều kiện cho các em để kiếm việc làm sau này. Nghiên cứu cũng kiến nghị với Nhà nước và các cơ sở đào tạo nên có các chính sách và giải pháp đồng bộ hơn như chính sách tư vấn, giới thiệu việc làm, cải tiến chương trình đào, chính sách thi tuyển rộng rãi hình thức thi tuyển trong các cơ quan Nhà nước để tạo cơ hội việc làm cho tất cả các sinh viên đặc biệt là sinh viên nghèo, có hoàn cảnh khó khăn.

2. Quy trình thủ tục vay vốn: Để đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc này NHCSXH thị xã Phước Long cần tăng cường công tác tuyên truyền để mọi người được biết và giám sát; thường xuyên kiểm tra và xử lý tốt các sai phạm đối với việc thực hiện sai quy trình thủ tục vay vốn; xử lý kịp thời, triệt để các khiếu nại của khách hàng.

3. Khả năng tài chính của hộ vay HSSV: Tạo điều kiện để hộ vay HSSV được vay thêm một số chương trình tín dụng khác phục vụ cho sản xuất, kinh doanh phát triển kinh tế gia đình hoặc giải quyết các nhu cầu của đời sống như về nhà ở, nước sạch, nhà vệ sinh... Tăng cường việc phối hợp với các trung tâm khuyến nông, khuyến ngư, hội nông dân... giúp hộ vay biết cách làm ăn, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả cao.

4. Ý thức hộ vay: Để hộ vay nâng cao ý thức trả nợ, cần nâng cao hơn nữa công tác tuyên truyền, giúp cho người vay ý thức được trách nhiệm trả nợ đồng thời giúp cho nguồn vốn HSSV đến được đúng đối tượng thụ hưởng. Việc tuyên truyền cần được toàn xã hội vào cuộc, từ cơ quan Đảng, chính quyền, cơ quan truyền thông đến các cơ quan, ban ngành, cá nhân trực tiếp tham gia vào các công đoạn vay vốn như UBND cấp xã, hội đoàn thể cấp xã, tổ trưởng tổ TK&VV, ban quản lý thôn và khách hàng vay...

5. Phẩm chất, năng lực của nhân viên ngân hàng: NHCSXH thị xã Phước Long cần chú trọng việc nâng cao kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, đặc biệt là cán bộ đi giao dịch xã, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, cụ thể: (i) Thường xuyên kiểm tra nghiệp vụ, tập huấn nghiệp vụ mới cho cán bộ được phân công đi giao dịch; (ii) Thường xuyên giáo dục phẩm chất đạo đức đối với cán bộ, tăng cường kiểm tra giám sát để phát hiện cán bộ sai phạm, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời; (iii) Đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại, nâng cấp phần mềm giao dịch xã cho tổ giao dịch lưu động; (iv) Tăng cường cán bộ cho điểm giao dịch.

6. Phối hợp của hội đoàn thể nhận ủy thác và tổ TK&VV: Để tạo sự phối hợp tốt của hội và tổ đối với công tác nhận ủy thác vay vốn từ NHCSXH, chúng tôi đề xuất thực hiện tốt một số việc sau: (1) Nâng cao chất lượng giao ban định kỳ giữa NHCSXH và các tổ chức hội nhận ủy thác vay vốn; (2) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động nhận ủy thác của hội đoàn thể các cấp; (3) Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ TK&VV, tăng cường kỷ luật tín dụng giữa các thành viên trong tổ.

7. Chính sách tín dụng: Để chính sách tín dụng được thực hiện tốt và phát huy hiệu quả cần tổ chức các chương trình kiểm tra, giám sát như sau:

- Phải có cơ chế kiểm tra 100% đối với đối với NHCSXH cấp tỉnh, ngân hàng cấp huyện và hoạt động tín dụng tại cấp xã hàng năm. Đối với hội đoàn thể cấp xã nhận ủy thác phải thực hiện kiểm tra 100% các tổ TK&VV. Trong đó, công tác đối chiếu trực tiếp dư nợ tới từng hộ vay phải được NHCSXH thực hiện hàng năm. Công tác kiểm tra kiểm toán nội bộ cần được thực hiện định kỳ, đột xuất, kiểm tra tại chỗ, kiểm tra chéo... giữa các đơn vị.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm kiểm tra, giám sát của thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị thị xã.

8. Các đề xuất khác: hoàn thiện mạng lưới hoạt động rộng khắp đến tận cấp xã, thực hiện đúng giờ giấc giao dịch đã được niêm yết, thông báo rộng rãi đến toàn thể nhân dân về điểm giao dịch xã trên các phương tiện thông tin của địa phương, tuân thủ quy trình giao dịch xã, trang bị đầy đủ các bảng biểu thông tin chỉ dẫn, thực hiện tốt việc công khai dư nợ.

4. KẾT LUẬN

1. Chương trình tín dụng HSSV đã hỗ trợ có hiệu quả cho sinh viên thuộc các gia đình là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn về tài chính. Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng HSSV tại NHCSXH thị xã Phước Long, tuy nhiên một số yếu tố có ảnh hưởng chủ yếu đó là: Ý thức hộ vay; Khả năng tài chính của hộ vay; Khả năng có việc làm của HSSV, sự phối hợp của hội đoàn thể; Quy trình, thủ tục vay vốn; Chính sách tín dụng; Phẩm chất, năng lực của nhân viên.

2. Thực hiện đồng bộ các chính sách và biện pháp như: Quản lý nguồn vốn; Tăng cường tuyên truyền và kiểm tra việc thực hiện quy trình thủ tục vay vốn; Giúp hộ vay phát triển kinh tế, nâng cao khả năng tài chính; Nâng cao ý thức hộ vay; Nâng cao phẩm chất, năng lực của nhân viên ngân hàng; Tăng cường sự phối hợp của hội đoàn thể nhận ủy thác và tổ TK&VV; Nâng cao việc thực hiện chính sách tín dụng và các giải pháp khác... Điều này sẽ giúp nâng cao chất lượng tín dụng HSSV tại NHCSXH thị xã Phước Long nói riêng và các NHCSXH trên cả nước nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Thị Thuý Anh (2011). Ứng dụng mô hình Probit Logit Tobit để đánh giá tác động của chương trình tín dụng ưu đãi hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội. Tạp chí Ngân hàng. Số 7+8: Trang: 24-31.
2. Chính phủ (2007). Tín dụng đối với học sinh, sinh viên, số 157/2007/QĐ-TTg. Hà Nội.
3. Chính phủ (2007). Thực hiện chế độ cho vay ưu đãi để học đại học, cao đẳng và dạy nghề, số 21/2007/CT-TTg. Hà Nội.
4. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam –NHCSXH Việt Nam (2010), Văn bản nghiệp vụ đang áp dụng trong hệ thống NHCSXH, Hà Nội.
5. Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) thị xã Phước Long (2016). Báo cáo hoạt động từ năm 2010 - 2015, Bình Phước.
6. Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) thị xã Phước Long (2017). Báo cáo hoạt động năm 2016, Bình Phước.

7. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (2013), Báo cáo tình hình hoạt động tín dụng, Hà Nội
8. Gujarati, Damodar N (1988). Basic econometrics. McGraw-Hill Book Company. Singapo.
9. Phùng Văn Hiền (2013). ‘Chính sách hỗ trợ sinh viên – Những vấn đề đặt ra hiện nay’. Tạp chí lý luận chính trị, số 6, 50-55.
10. Lê Nguyễn Anh Huy (2010). Một số giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng hộ nghèo tại chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh. Luận văn Thạc sĩ. Chuyên ngành Kinh tế tài chính ngân hàng, Đại học kinh tế TP.HCM.
11. Hoàng Văn Thành, Nguyễn Văn Chiến (2013). Một số mô hình thành công của ngân hàng tài chính vi mô quốc tế - bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Tạp chí Ngân hàng, số 7, 29-33.
12. Võ Nhị Yến Trang (2008). Nâng cao chất lượng tín dụng chính sách của ngân hàng CSXH Việt Nam. Luận văn Thạc sĩ. Chuyên ngành Kinh tế tài chính ngân hàng, Đại học kinh tế TP.HCM.
13. Wooldridge, Jeffrey M. (2005). Econometric analysis of cross section and panel data. The MIT press Cambridge, Massachusetts. London, England.

ABSTRACT

SOLUTIONS TO IMPROVE QUALITY OF DISADVANTAGED STUDENT CREDIT PROGRAM AT VIETNAM BANK FOR SOCIAL POLICIES (VBSP) PHUOCLONG DISTRICT

Nguyen Quyet Thang^{1,*}, Nguyen Thi Huong Giang², Le Thi Ngoc Loan³

Ho Chi Minh City University of Technology

Viet Nam Bank for social policies Phuoc Long

The State Bank of Vietnam, Binh Phuoc Branch

*Email: thangnq1410@gmail.com

Maintaining outstanding loan growth with good credit quality is a challenge for VBSP in the coming time.

Disadvantaged student credit program at VietNam Bank For Social Policy (VBSP) is the great credit program contributing to national target about social welfare; detect and train talented persons for building and developing nation. However, maintaining growth of credit is a challenge for VBSP in the future. The research uses qualitative method and quantitative method by LOGIT model. By analysing current status and seven (07) factors affecting the quality of disadvantaged student credit program, the reaserch has proposed many solutions to improve the quality of the disadvantaged student credit program at VBSP Phuoc Long district, help the local government excute social welfare policy and grow economics well.

Keywords: effecting Factors on credit, student and pupil credit, VietNam Bank For Social Policy in Phuoc Long district (VBSP), Action and diffilcte Solutions.